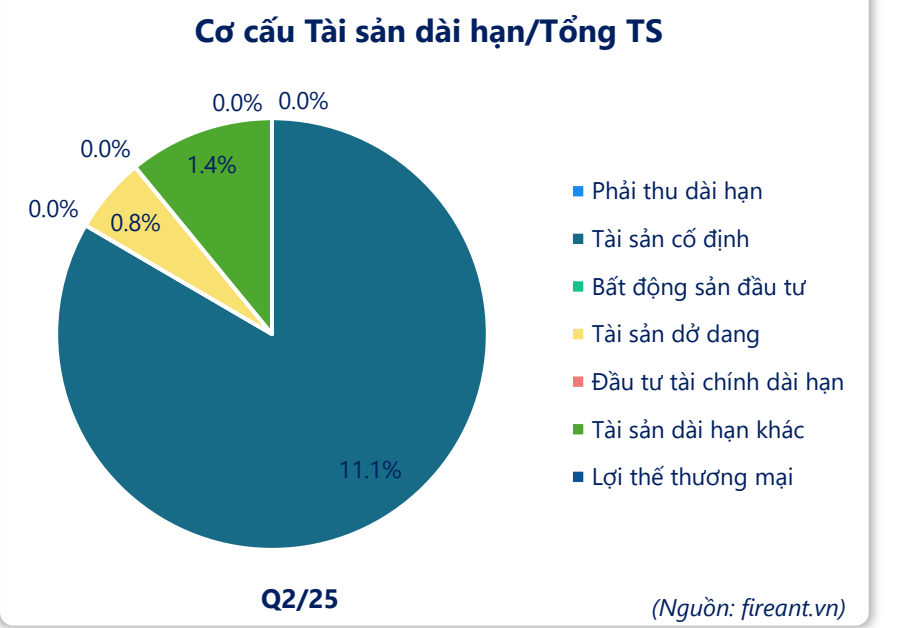
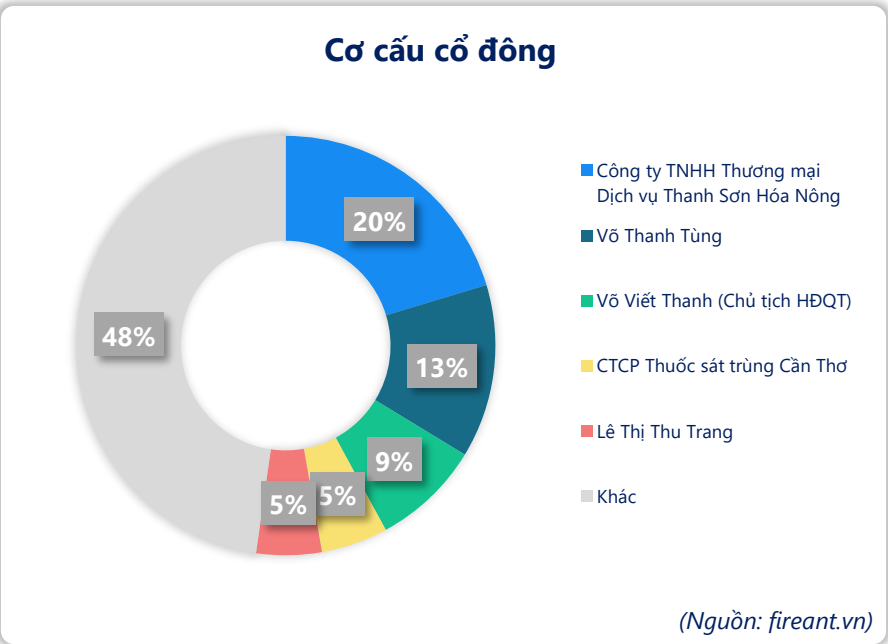
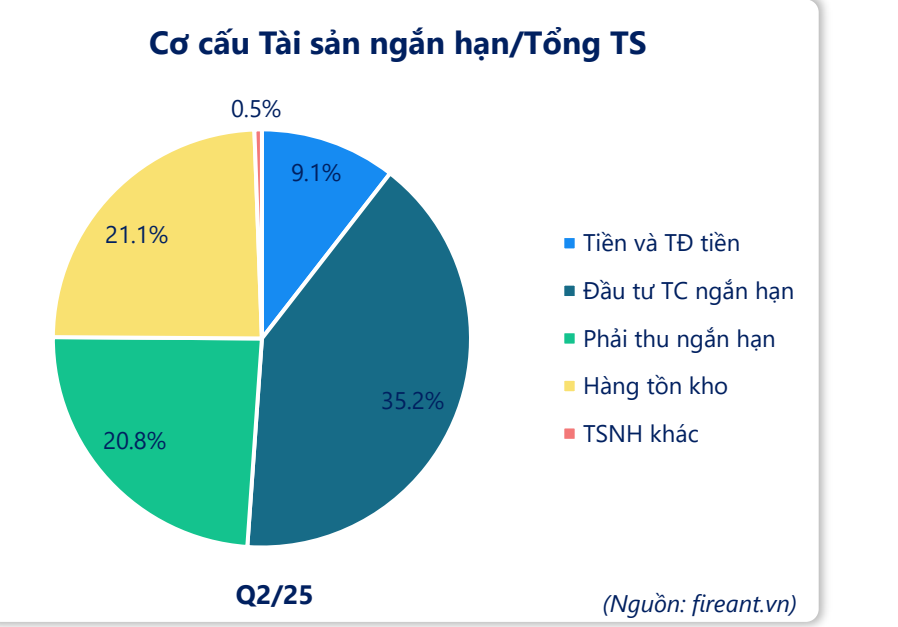
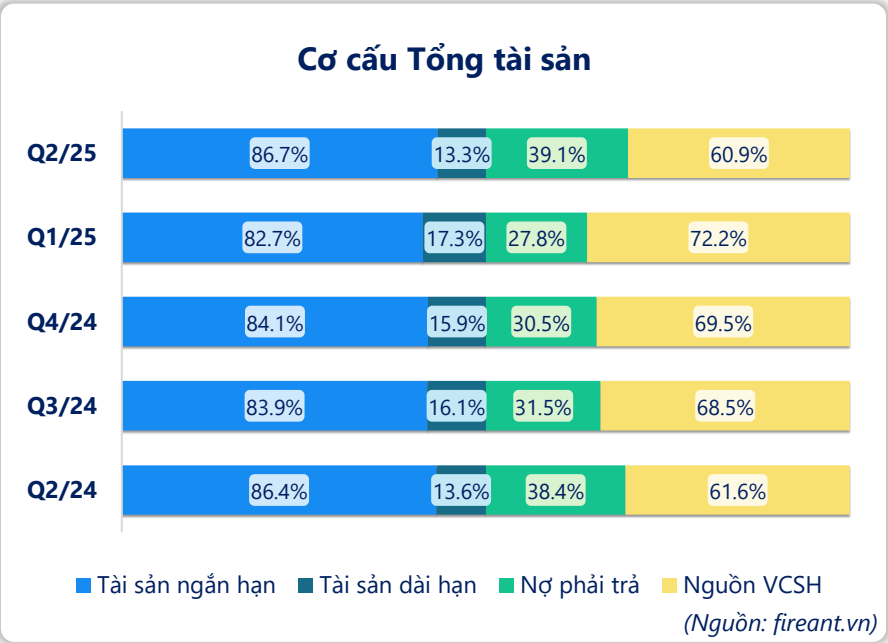
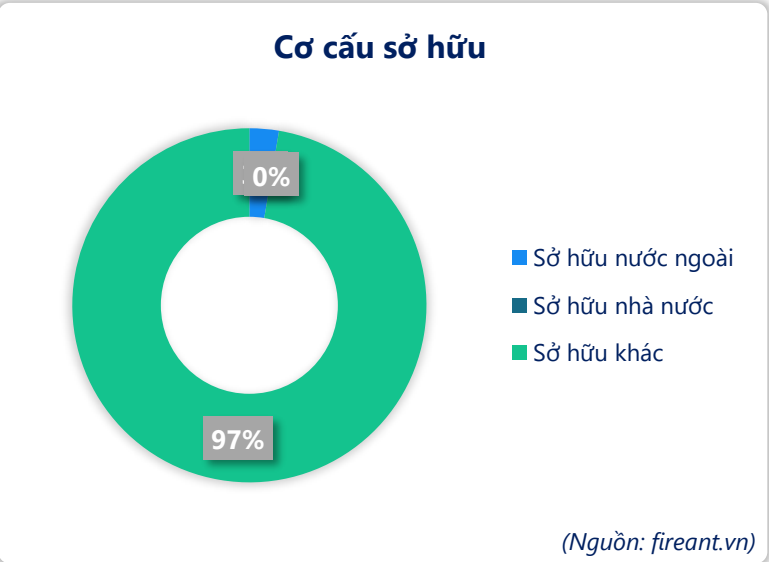
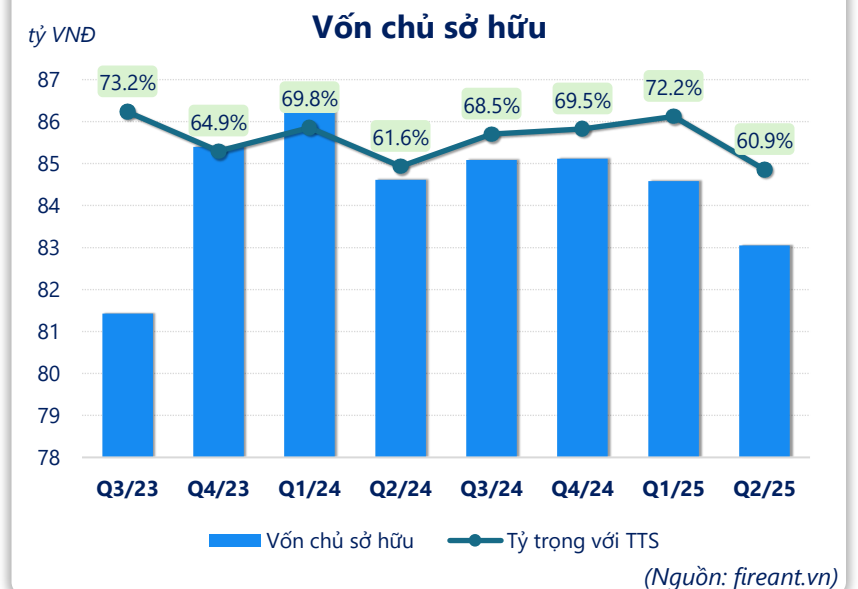
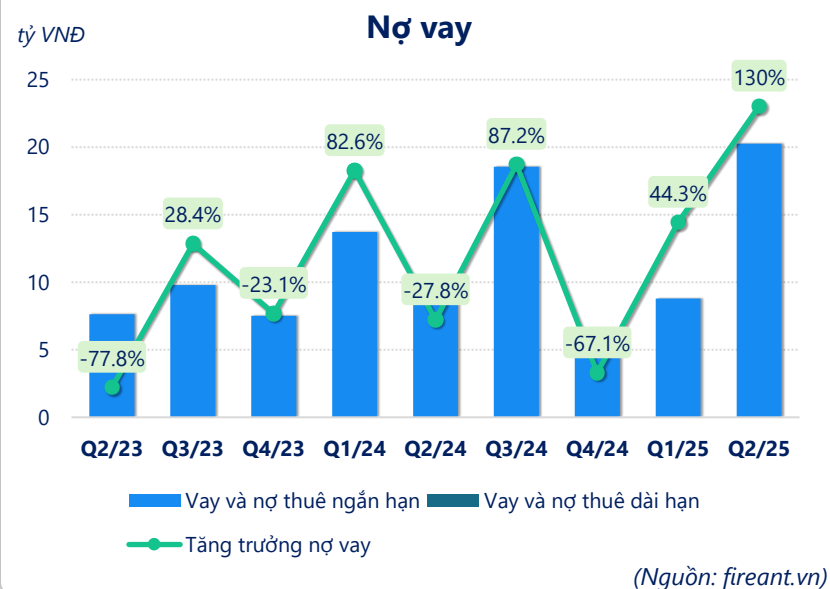
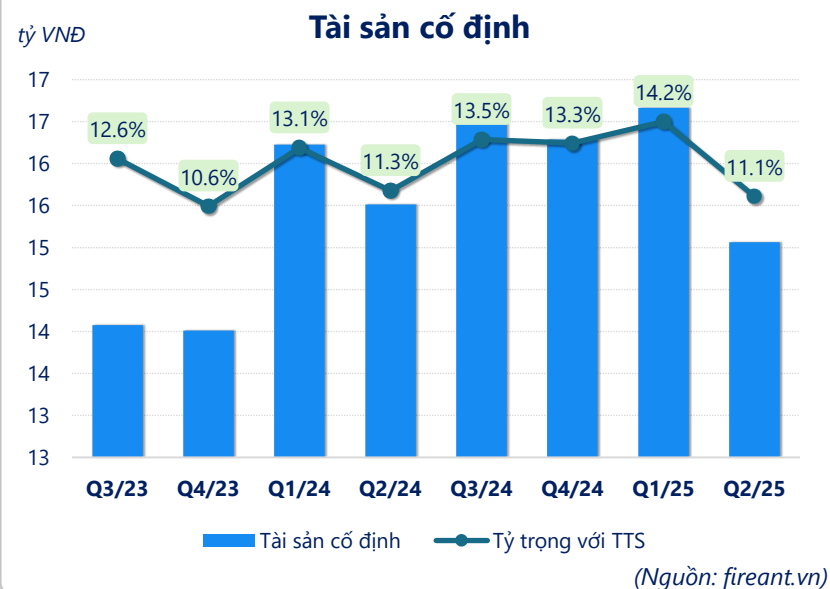
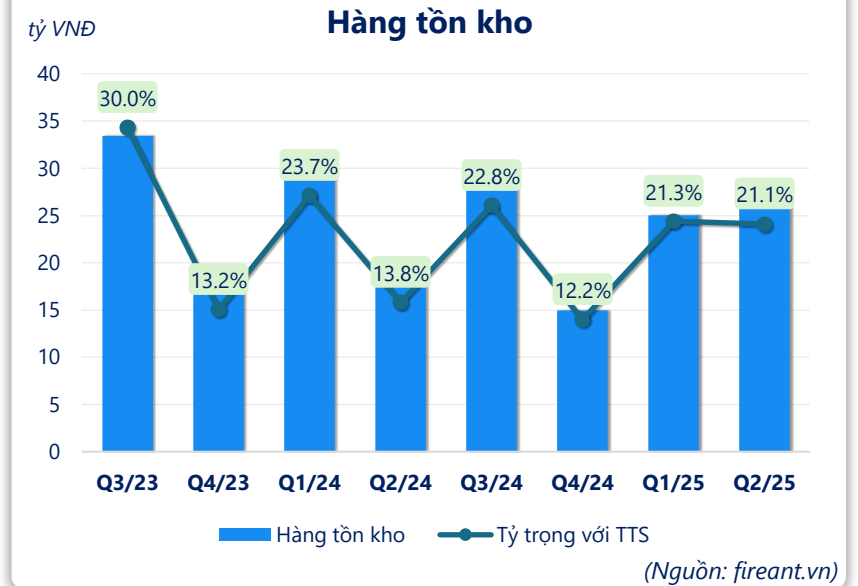
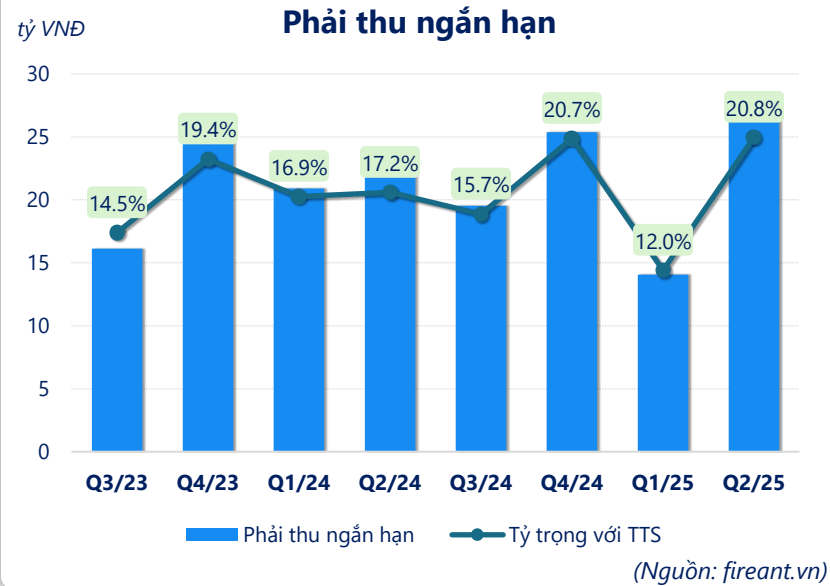
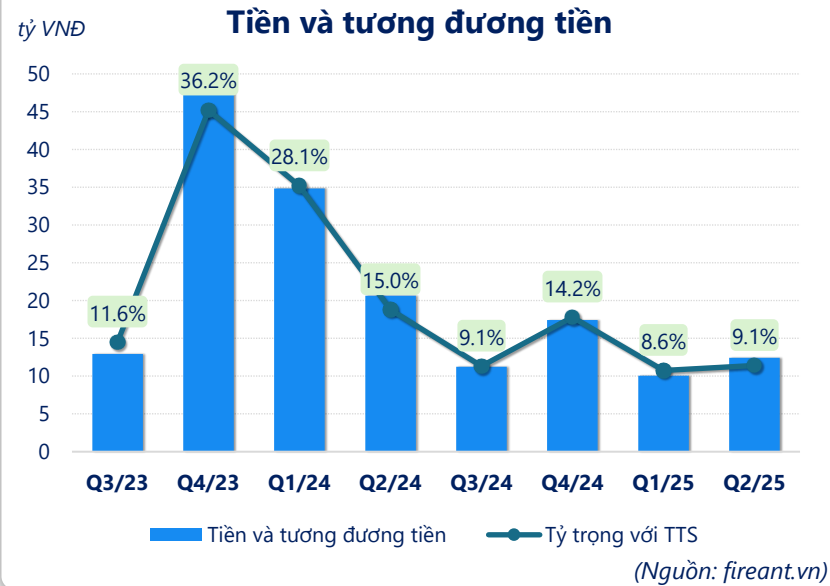
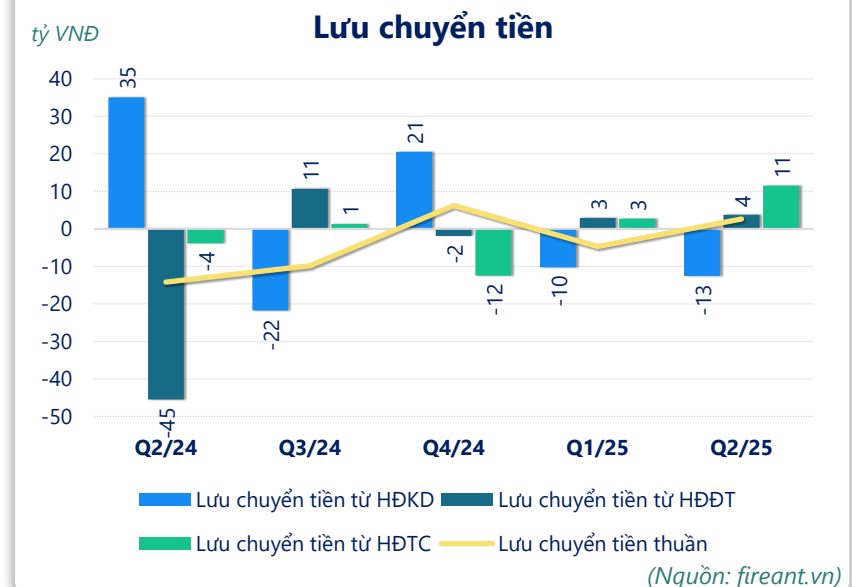
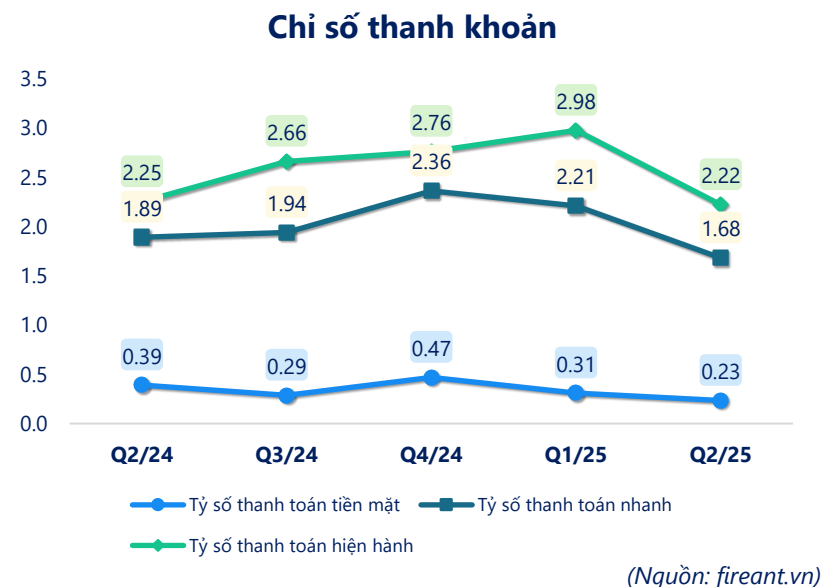
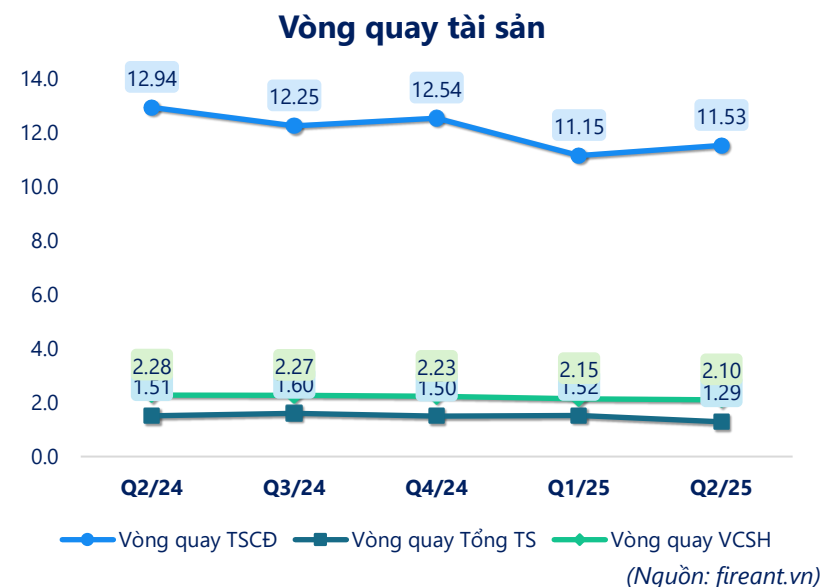
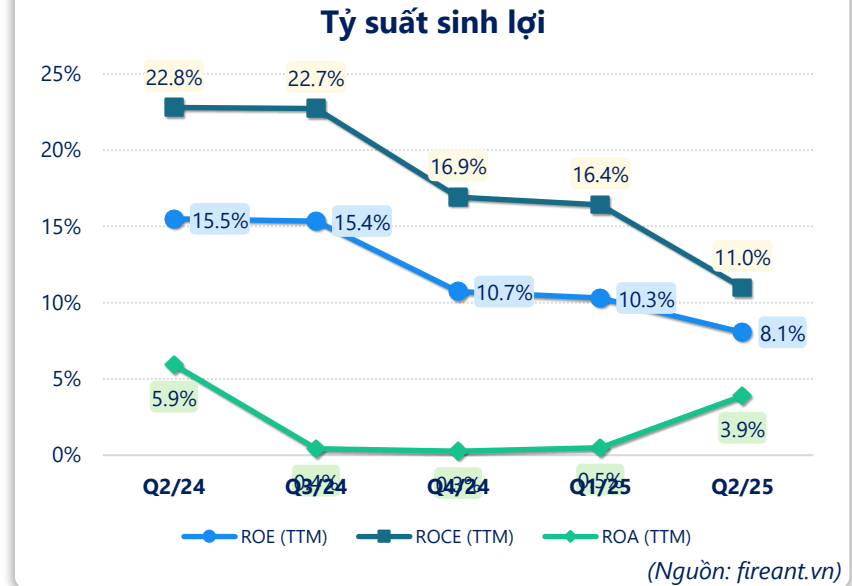
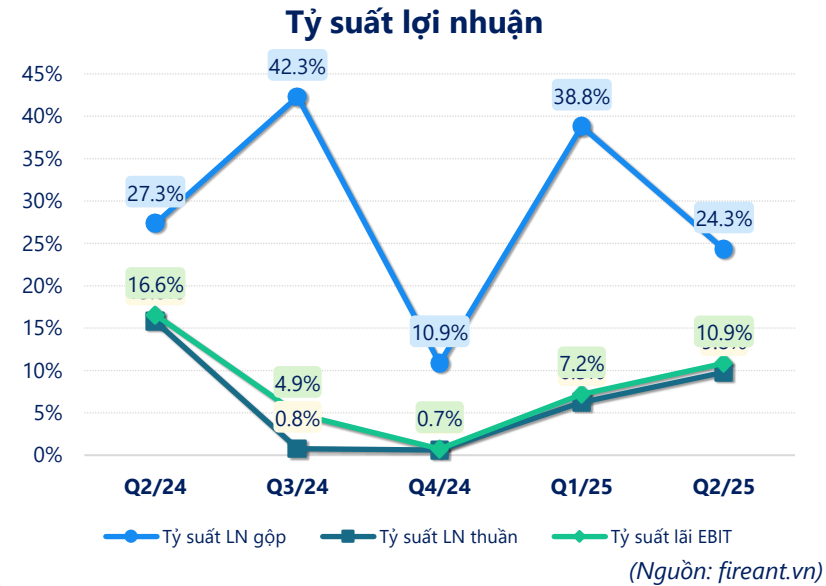
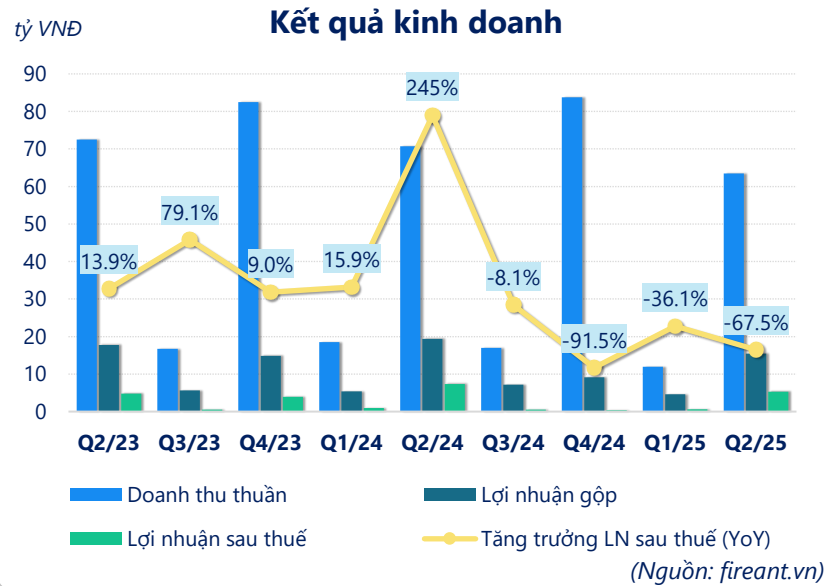


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,526
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,802
SL cổ phiếu LH		4,081,450
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,710
% sở hữu nước ngoài		2.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		70
P/E		10.4
EPS		1,656

	YTD	1T	3T	6T
CPC	5.2%	-5.3%	1.3%	5.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	136	123	10.6%
Tài sản ngắn hạn	118	104	13.8%
Tiền và tương đương tiền	12.4	14.4	-14.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.0	48.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	28.4	25.7	10.2%
Hàng tồn kho	28.7	15.4	86.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.21	224%
Tài sản dài hạn	18.1	19.4	-6.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.1	16.3	-7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.02	1.02	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.97	2.09	-5.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	53.2	36.9	44.1%
Nợ ngắn hạn	53.2	36.9	44.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	20.3	6.09	232%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.33	9.19	-9.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	83.0	86.3	-3.8%
Vốn chủ sở hữu	83.0	86.3	-3.8%
Vốn điều lệ	43.0	43.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	70.7	17.0	83.7	11.9	63.5
Giá vốn hàng bán	51.4	9.82	74.6	7.31	48.1
Lợi nhuận gộp	19.3	7.20	9.10	4.63	15.4
Doanh thu HĐTC	0.87	0.85	1.39	0.88	1.16
Chi phí TC	0.72	1.24	2.19	1.15	0.52
Chi phí lãi vay	0.12	0.21	0.20	0.11	0.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.40	3.42	4.74	1.72	5.38
Chi phí QLDN	3.92	3.27	3.05	1.89	4.46
LN thuần từ HĐKD	11.2	0.13	0.51	0.75	6.23
Lợi nhuận khác	0.43	0.49	-0.09	0.00	0.47
LN trước thuế	11.6	0.62	0.42	0.75	6.70
Lợi nhuận sau thuế	7.38	0.50	0.34	0.60	5.32
LNST của CĐ cty mẹ	7.38	0.50	0.34	0.60	5.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	35.1	-21.8	20.6	-10.3	-12.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.4	10.7	-1.91	2.84	3.71
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-3.82	1.30	-12.5	2.70	11.5
Tiền đầu kỳ	34.8	20.6	11.3	14.4	10.1
Lưu chuyển tiền thuần	-14.2	-9.83	6.19	-4.72	2.63
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.44	0	0.36	0.72
Tiền cuối kỳ	20.6	11.3	17.4	10.1	13.4

(Nguồn: fireant.vn)